TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 367/2026/QĐST-HNGĐ

Tp. HCM, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 564/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/04/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Tường V; Địa chỉ: 167/48 Đ, ấp G, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Trung T; Địa chỉ: 167/48 Đ, ấp G, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Trung T và bà Lê Tường V được xác lập vào năm 2010, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống ông Lê Trung T và bà Lê Tường V phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy, tình cảm giữa ông Lê Trung T và bà Lê Tường V đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Trung T và bà Lê Tường V là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Lê Trung T và bà Lê Tường V xác định có 01 con chung, họ tên Lê Trung Bá Đ sinh ngày 14/4/2012.

Sau ly hôn giao ông Lê Trung T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ họ tên Lê Trung Bá Đ sinh ngày 14/4/2012, ông Lê Trung T không yêu cầu bà Lê Tường V không cần cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Tường V được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai

bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa của ông Lê Trung T và bà Lê Tường V là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Trung T và bà Lê Tường V tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung T và bà Lê Tường V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 61 quyển số 01/2010 ngày 22/4/2010 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Trung T và bà Lê Tường V xác định có 01 con chung, họ tên Lê Trung Bá Đ sinh ngày 14/4/2012.

Sau ly hôn giao ông Lê Trung T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ họ tên Lê Trung Bá Đ sinh ngày 14/4/2012, ông Lê Trung T không yêu cầu bà Lê Tường V không cần cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Tường V được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0025966 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân D